TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55/2020/QĐST-HNGĐ	*Hồng Bàng, ngày 04 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị TTQ; địa chỉ: Số A đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng.

Anh NTT; địa chỉ: Số mới 459 tổ E (số cũ Tổ F), phường G, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTQ và anh NTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 20-02-2012. Quá trình vợ chồng chung sống, hai bên xác nhận có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên chị TTQ và anh NTT đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là I, sinh ngày 27-6-2012 và J, sinh ngày 30-4-2014. Hai bên thỏa thuận và thống nhất: Chị TTQ trực tiếp nuôi cả 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 25-02-2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận chị TTQ và anh NTT thuận tình ly hôn.

[5] Về lệ phí dân sự: Chị TTQ và anh NTT, mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị TTQ và anh NTT thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là I, sinh ngày 27-6-2012 và J, sinh ngày 30-4-2014. Hai bên thỏa thuận và thống nhất: Chị TTQ trực tiếp nuôi cả 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị TTQ và anh NTT, mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008425 ngày 13-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị TTQ và anh NTT đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Đương sự;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND phường G, quận H
(GCN kết hôn số 10, quyển số 01/2012 ngày 20-02-2012);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Chung